

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/HNGĐ-ST

Ngày: **31/3/2023**

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đỗ Minh Tân.**
2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Cao L**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **27/2023/TLST-HNGĐ** ngày **20/02/2023**, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **32/2023/QĐXX-HNGĐ** ngày **10/3/2023**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ..., ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Trương Văn Hăng R**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, bà V có mặt, ông Hăng R vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Năm 1999, bà V và ông Hăng R quen biết từ khi khoảng 04 tháng thì thống nhất đám cưới, chung sống như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân do ông Hăng R và bà V cùng làm việc trên sà lan chạy trên sông biển, không có thời gian đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong lối sống sinh hoạt, từ đó mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm ngày càng rạn nứt phai nhạt, hạnh phúc không còn.

Đến năm 2012, bà V và ông Hăng R ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà V nuôi con Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009, bà V và ông Hăng R không có biện pháp đoàn tụ chung sống, cũng không đăng ký kết hôn. Ông Hăng R hiện nay đã chung sống với người phụ nữ khác (cũng không đăng ký kết hôn).

Nay bà V nhận thấy không còn tình cảm, hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà V xin ly hôn ông Hăng R.

Con chung: có một con là Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009, hiện nay bà V đang nuôi con. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Hăng R cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Trương Văn Hăng R trình bày:

Năm 1999, bà V và ông Hăng R quen biết tìm hiểu khoảng 04 tháng thì thống nhất đám cưới, chung sống như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân do ông Hăng R và bà V cùng làm việc trên sà lan chạy trên sông biển nên không có thời gian đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong lối sống sinh hoạt, từ đó mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm ngày càng rạn nứt phai nhạt, hạnh phúc không còn.

Đến năm 2012, bà V và ông Hăng R ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà V nuôi con Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009, bà V và ông Hăng R không có biện pháp đoàn tụ chung sống, cũng không đăng ký kết hôn. Ông Hăng R hiện nay đã chung sống với người phụ nữ khác (cũng không đăng ký kết hôn).

Nay ông Hăng R cũng nhận thấy không còn tình cảm, hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Hăng R đồng ý ly hôn bà V.

Con chung: có một con là Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009, hiện nay bà V đang nuôi con. Ông Hăng R đồng ý giao cho bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết, ông Hăng R có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Thống nhất với trình tự, thủ tục tố tụng về thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án **có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (do có đơn xin xét xử vắng mặt) .**

Về quan điểm giải quyết: bà V và ông Hăng R chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, bà V và ông Hăng R đều yêu cầu ly hôn, nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông Hăng R. Về con chung: bà V và ông Hăng R có một con chung là **Trương Gia L. sinh ngày 14/10/2009**, do các đương sự thống nhất giao cho bà V nuôi con nên đề nghị giao cho bà V nuôi con, các đương sự tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V có mặt, bị đơn ông Trương Văn Hăng R vắng mặt. Xét thấy ông Hăng R vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vụ án có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V và ý kiến của bị đơn ông Trương Văn Hăng R. Hội đồng xét xử nhận thấy bà V và ông Hăng R tự nguyện chung sống như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà V và ông Hăng R không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ giữa bà V và ông Hăng R không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, bà V và ông Hăng R phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp tính tình lối sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai bên không còn sống chung từ năm 2012 đến nay, ông Hăng R chung sống với người phụ nữ khác; cả hai bên đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm, hòa giải đoàn tụ, không đăng ký kết hôn để chung sống hợp pháp. Nay bà V và ông Hăng R đều yêu cầu được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông Hăng R theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: Bà V và ông Hăng R có một con là Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009. Xét thấy: hiện nay bà V đang nuôi con ổn định, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông Hăng R cũng đồng ý giao cho bà V nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cho bà V trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Bà V không yêu cầu ông Hăng R cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: bà V và ông Hăng R trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

[4] Ý kiến quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp

luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 91, 92, 147, 235 và khoản 1 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều: 9, 14, 51, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu V và ông Trương Văn Hăng R.
2. Về con chung: Bà V và ông Hăng R có một con chung là Trương Gia L sinh ngày 14/10/2009 (hiện nay bà V đang nuôi con). Giao cho bà Nguyễn Thị Thu V quyền trực tiếp nuôi con Trương Gia L cho đến khi trưởng thành 18 tuổi. Ông Trương Văn Hăng R có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được ngăn cản, theo quy định pháp luật.
3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu V không yêu cầu ông Trương Văn Hăng R cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản chung và nợ chung: bà V và ông Hăng R trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.
5. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 001259 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp 300.000 đồng.
6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án+VTTA;(NQ.Hung)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng